BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7656 /BGDĐT-GDĐH V/v đề nghị tham gia khảo sát trực tuyến phục vụ xây dựng Nghị định quy định cơ chế phối hợp và chính sách tài trợ cạnh tranh để thu hút nhân tài trong giáo dục đại học	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Các đại học, trường đại học, học viện (theo danh sách kèm theo).

Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch số 2188/KH-BGDĐT ngày 23/10/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Nghị định quy định cơ chế phối hợp và chính sách tài trợ cạnh tranh để thu hút nhân tài trong giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là Nghị định) và Kế hoạch số 2213/KH-BGDĐT ngày 27/10/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khảo sát phục vụ xây dựng Nghị định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát trực tuyến nhằm thu thập thông tin thực tiễn về thu hút, sử dụng nhân tài, cơ chế phối hợp và tài trợ nghiên cứu, làm căn cứ xây dựng Nghị định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Quý cơ sở giao 01 đầu mối trả lời Phiếu khảo sát dành cho cơ sở giáo dục đại học (mỗi cơ sở trả lời 01 phiếu), phối hợp các đơn vị phụ trách tổ chức cán bộ, khoa học và công nghệ, kế hoạch - tài chính, hợp tác quốc tế.

Phiếu khảo sát trực tuyến tại địa chỉ: https://forms.gle/D4JMRdP1bure7efUA

Thời hạn trả lời phiếu khảo sát: trước ngày **06 tháng 11 năm 2026**. Nội dung phiếu khảo sát (bản Word) gửi kèm theo Công văn này để Quý cơ sở tham khảo, chuẩn bị thông tin, số liệu trước khi trả lời trực tuyến. Thông tin cung cấp chỉ được sử dụng để tổng hợp, phân tích phục vụ xây dựng Nghị định.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Bà Đinh Thị Minh Hương, Chuyên viên chính Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo (email: dtmhuong@moet.gov.vn, điện thoại: 0912 860 196).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THỰC HIỆN KHẢO SÁT

(Kèm theo Công văn số /BGDĐT-GDĐH ngày tháng 10 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
3. Đại học Đà Nẵng
4. Đại học Huế
5. Đại học Thái Nguyên
6. Đại học Bách khoa Hà Nội
7. Đại học Kinh tế Quốc dân
8. Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
9. Đại học Cần Thơ
10. Trường Đại học Vinh
11. Trường Đại học Quy Nhơn
12. Trường Đại học Nha Trang
13. Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
14. Trường Đại học Giao thông vận tải
15. Trường Đại học Mỏ - Địa chất
16. Trường Đại học Thủy lợi
17. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
18. Trường Đại học Y Hà Nội
19. Trường Đại học Dược Hà Nội
20. Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
21. Học viện Nông nghiệp Việt Nam
22. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
23. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
24. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
25. Trường Đại học VinUni
26. Đại học Phenikaa
27. Trường Đại học FPT
28. Trường Đại học Thăng Long
29. Đại học Duy Tân
30. Trường Đại học Đông Á
31. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
32. Trường Đại học Văn Lang
33. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
34. Trường Đại học Hoa Sen

35. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
36. Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn
37. Trường Đại học Lạc Hồng
38. Trường Đại học Tân Tạo
39. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội
40. Trường Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà Nội
41. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội
42. Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội
43. Trường Đại học Y Dược, ĐHQG Hà Nội
44. Trường Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội
45. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
46. Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
47. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
48. Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
49. Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
50. Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
51. Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế
52. Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
53. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
54. Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế
55. Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên
56. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên
57. Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên
58. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
59. Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên
60. Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
61. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
62. Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam
63. Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
64. Đại học Công nghiệp Hà Nội
65. Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
66. Trường Đại học Tôn Đức Thắng
67. Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
68. Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
69. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
70. Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh
71. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
72. Trường Đại học Điện lực
73. Trường Đại học Lâm nghiệp
74. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

75. Trường Đại học Thương mại
76. Trường Đại học Ngoại thương
77. Học viện Tài chính
78. Học viện Ngân hàng
79. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
80. Trường Đại học Luật Hà Nội
81. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
82. Trường Đại học Lao động - Xã hội
83. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
84. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
85. Trường Đại học Y Dược Thái Bình
86. Trường Đại học Y tế Công cộng
87. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
88. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
89. Trường Đại học Đà Lạt
90. Trường Đại học Tây Nguyên
91. Trường Đại học Hồng Đức
92. Trường Đại học Thủ Dầu Một
93. Đại học Trà Vinh
94. Trường Đại học Sài Gòn
95. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
96. Trường Đại học Hà Nội
97. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
98. Học viện Quản lý giáo dục
99. Trường Đại học Bình Dương

(Danh sách gồm 99 cơ sở đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHIẾU KHẢO SÁT
DÀNH CHO CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Kèm theo Công văn số /BGDĐT-GDĐH ngày tháng 10 năm 2026 của Bộ Giáo và Đào tạo)

Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-TTg ngày 18/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Nghị định quy định cơ chế phối hợp và chính sách tài trợ cạnh tranh để thu hút nhân tài trong giáo dục đại học. Phiếu khảo sát nhằm thu thập thông tin thực tiễn về thu hút, sử dụng nhân tài, cơ chế phối hợp và tài trợ nghiên cứu, làm căn cứ xây dựng chính sách.

Thông tin chỉ được sử dụng để tổng hợp, phân tích phục vụ xây dựng Nghị định; không công bố riêng thông tin của từng đơn vị, cá nhân. Phiếu do 01 đầu mối được thủ trưởng đơn vị giao điền, phối hợp các đơn vị phụ trách tổ chức cán bộ, khoa học và công nghệ, kế hoạch - tài chính, hợp tác quốc tế. Số liệu đã cập nhật trên HEMIS không cần nhập lại, chỉ ghi "đã có trên HEMIS".

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ sở giáo dục đại học!

Hướng dẫn: đánh dấu ☒ vào ô lựa chọn; ghi số liệu vào bảng hoặc chỗ trống (.....).

Đơn vị tiền: triệu đồng, trừ khi có ghi chú khác.

Câu hỏi nào không có số liệu, xin ghi "chưa theo dõi".

Câu hỏi nào không phù hợp, xin ghi "không áp dụng".

MỘT SỐ KHÁI NIỆM DÙNG TRONG PHIẾU

*"***Nhân tài "** gồm: giáo sư đầu ngành, nhà khoa học xuất sắc đang làm việc trong nước; nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài; giáo sư, nhà khoa học quốc tế; tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng, nhà quản lý.

Hình thức làm việc:

Hình thức 1 - Làm việc chính tại Việt Nam từ 03 năm trở lên;

Hình thức 2 - Vị trí liên kết, luân phiên (đồng bổ nhiệm, hiện diện định kỳ hằng năm);

Hình thức 3 - Làm việc trực tiếp ngắn hạn (thỉnh giảng, nghiên cứu theo đợt);

Hình thức 4 - Hợp tác từ xa gắn với nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể;

Hình thức 5 - Liên minh nhiều bên (kết hợp các hình thức trên giữa trường, viện, doanh nghiệp, quỹ).

Tình trạng nguồn lực:

1. Đã bảo đảm (đã có quyết định, dự toán); 2. Có điều kiện;

3. Dự kiến; 4. Chưa có.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

Câu 1. Tên cơ sở giáo dục đại học; cơ quan quản lý trực tiếp; tỉnh, thành phố đặt trụ sở chính.

.....

.....

Câu 2. Loại hình cơ sở:

☐ Công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

☐ Công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

☐ Công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

☐ Tư thục

☐ Có vốn đầu tư nước ngoài

☐ Đại học quốc gia, đại học vùng hoặc trường thành viên

Câu 3. Quy mô đội ngũ và năng lực nghiên cứu (tại thời điểm 31/10/2026):

Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
Giảng viên cơ hữu		
Trong đó: giáo sư / phó giáo sư		
Trong đó: tiến sĩ		
Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ		
Nghiên cứu sinh đang đào tạo		
Nhóm nghiên cứu mạnh (được công nhận theo quy chế của cơ sở hoặc cấp trên)		Ghi tên 03 nhóm tiêu biểu
Phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu xuất sắc		
Bài báo khoa học quốc tế (WoS/Scopus) năm 2025		

PHẦN II. THỰC TRẠNG THU HÚT, SỬ DỤNG NHÂN TÀI GIAI ĐOẠN 2023 - 2026

Câu 4. Số trường hợp nhân tài theo từng bước từ mời đến tạo ra sản phẩm (cộng dồn 2023 - 2026): *(ghi "chưa theo dõi" nếu không có số liệu)*

Nhóm đối tượng	Đã mời, tiếp xúc	Đã ký hợp đồng, bổ nhiệm	Đã thực nhận công việc	Duy trì trên 12 tháng	Có sản phẩm cụ thể
Giáo sư, nhà khoa học trong nước					
Nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài					
Giáo sư, nhà khoa học quốc tế					
Tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng					

Câu 5. Trong số đã ký hợp đồng, bổ nhiệm ở Câu 4, phân theo hình thức làm việc:

Hình thức làm việc	Số người	Thời gian hiện diện bình quân tại Việt Nam (tháng/năm)
Hình thức 1 - Làm việc chính tại Việt Nam từ 03 năm		
Hình thức 2 - Vị trí liên kết, luân phiên		
Hình thức 3 - Làm việc trực tiếp ngắn hạn		
Hình thức 4 - Hợp tác từ xa gắn nhiệm vụ		

Câu 6. Nguyên nhân chính của các trường hợp không thành công (từ chối, không ký được, rời đi trước hạn): *(chọn tối đa 03?)*

☐ Thu nhập, đãi ngộ không cạnh tranh

☐ Điều kiện gia đình, nhà ở, trường học cho con

☐ Thủ tục tuyển dụng, ký hợp đồng phức tạp

☐ Thiếu hạ tầng, thiết bị nghiên cứu

☐ Thiếu kinh phí nghiên cứu ổn định

☐ Thiếu nhóm nghiên cứu, nghiên cứu sinh hỗ trợ

☐ Hạn chế quyền tự chủ chuyên môn, quản lý kinh phí

☐ Thị thực, giấy phép lao động, cư trú

☐ Ràng buộc từ cơ quan nước ngoài (kiêm nhiệm, sở hữu trí tuệ)

☐ Môi trường học thuật, quản trị

☐ Khác: .....

Câu 7. Gói hỗ trợ hiện có của cơ sở dành cho nhân tài:

Khoản hỗ trợ	**Có / Không**	**Mức bình quân (triệu đồng)**	**Nguồn kinh phí**
Thu nhập tăng thêm, phụ cấp thu hút (theo tháng)			
Kinh phí khởi lập nhóm nghiên cứu (một lần)			
Không gian làm việc, phòng thí nghiệm riêng (m²)			
Thiết bị nghiên cứu ban đầu			
Suất nghiên cứu sinh, nghiên cứu viên sau tiến sĩ, kỹ thuật viên			
Nhà ở, đi lại, hỗ trợ gia đình			
Khác:			

Câu 8. Mức độ có và áp dụng quy chế nội bộ:

Nội dung quy chế	Đã áp dụng	Có văn bản, chưa áp dụng	Đang xây dựng	Chưa có
Tuyển dụng, ký hợp đồng với nhân tài (kể cả người nước ngoài)				
Bổ nhiệm kiêm nhiệm, vị trí liên kết, đồng bổ nhiệm				
Giao nhiệm vụ, đánh giá theo kết quả đầu ra				
Tự chủ chuyên môn, quản lý kinh phí của trưởng nhóm				
Sở hữu trí tuệ, dữ liệu, xung đột lợi ích với đối tác nước ngoài				
Đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh với đối tác				
Bảo đảm cam kết khi thay đổi lãnh đạo, dự toán, dự án				

Câu 9. Sau khi được bổ nhiệm, nhân tài được thực hiện thực tế các quyền nào? *(ghi: Có / Hạn chế / Không)*

Quyền	Mức thực hiện	Quyền	Mức thực hiện
Định hướng nghiên cứu của nhóm		Sử dụng phòng thí nghiệm, dữ liệu	
Tuyển nghiên cứu sinh, trợ lý nghiên cứu		Quyết định công bố kết quả	
Lập, điều chỉnh dự toán		Chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ	

Câu 10. Việc áp dụng các nghị định hiện hành tại cơ sở:

Văn bản	Chưa nắm được	Nắm được, chưa áp dụng	Đã áp dụng (số trường hợp)	Vướng mắc chính
Nghị định số 231/2025/NĐ-CP (tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng)				
Nghị định số 249/2025/NĐ-CP (thu hút chuyên gia KH&CN, ĐMST, CĐS)				
Nghị định số 263/2025/NĐ-CP (nhân lực, nhân tài KH&CN)				
Nghị định số 267/2025/NĐ-CP (chương trình, nhiệm vụ KH&CN)				
Pháp luật về viên chức, lao động, thuế, xuất nhập cảnh				

PHẦN III. THỰC TRẠNG PHỐI HỢP VÀ TÀI TRỢ NGHIÊN CỨU

Câu 11. Hình thức phối hợp đã thực hiện giai đoạn 2023 - 2026:

Hình thức phối hợp	Với viện nghiên cứu	Với doanh nghiệp	Với quỹ, tổ chức tài trợ	Với địa phương
Đồng bổ nhiệm, chia sẻ nhân sự				
Dùng chung hạ tầng, phòng thí nghiệm				
Đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh				

Hình thức phối hợp	Với viện nghiên cứu	Với doanh nghiệp	Với quỹ, tổ chức tài trợ	Với địa phương
Đặt hàng nghiên cứu				
Đồng tài trợ nhiệm vụ				
Chuyển giao, thương mại hóa kết quả				

Ghi số trường hợp; nếu không theo dõi, ghi "CTD".

Câu 12. Hồ sơ đề nghị tài trợ của cơ sở giai đoạn 2023 - 2026:

Loại tài trợ	Số hồ sơ nộp	Số hồ sơ trúng	Tổng giá trị trúng (triệu đồng)	Trong đó có nhà khoa học ở nước ngoài tham gia (số hồ sơ)
Chương trình, nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia				
Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia (NAFOSTED)				
Quỹ của doanh nghiệp (VinIF và quỹ khác)				
Đặt hàng của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp				
Tài trợ quốc tế				
Quỹ phát triển KH&CN của cơ sở				

Câu 13. Đã có trường hợp không nộp được hồ sơ hoặc bị loại do điều kiện chủ nhiệm nhiệm vụ, tổ chức chủ trì hoặc điều kiện khác đối với nhà khoa học ở nước ngoài chưa?

☐ Có (nêu tóm tắt 01 trường hợp, kết luận của quỹ nếu có)

☐ Không

☐ Chưa theo dõi

.....

.....

Câu 14. Bộ phận hỗ trợ nghiên cứu của cơ sở đảm nhận được các khâu nào và thời gian xử lý bình quân?

Khâu	Đảm nhận được (Có / Không)	Số ngày làm việc
Tìm thông báo tài trợ, ghép nối chủ nhiệm - tổ chức chủ trì		
Hỗ trợ viết thuyết minh, lập dự toán		
Nộp hồ sơ, ký hợp đồng		
Giải ngân, mua sắm, thanh toán cho chuyên gia nước ngoài		
Báo cáo, quyết toán		

Câu 15. Khi nhà khoa học ở nước ngoài dẫn dắt nhiệm vụ, ai chịu trách nhiệm từng mặt tại cơ sở? *(ghi chức danh; không bố trí chủ nhiệm danh nghĩa)*

Trách nhiệm	Người chịu trách nhiệm
Học thuật, chuyên môn	
Pháp lý, hợp đồng	
Tài chính, thanh quyết toán	
Báo cáo tiến độ, kết quả	

Câu 16. Cơ sở có thể ứng trước kinh phí nếu tài trợ được cấp theo kết quả đầu ra không?

☐ Có ☐ Không

☐ Có điều kiện (nêu giới hạn nguồn): ☐ Không áp dụng

.....

PHẦN IV. NHU CẦU THU HÚT, NĂNG LỰC TIẾP NHẬN VÀ KHẢ NĂNG ĐỐI ỨNG GIAI ĐOẠN 2027 - 2030

Câu 17. Lĩnh vực ưu tiên thu hút nhân tài: *(chọn tối đa 05)*

☐ Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn
☐ Bán dẫn, vi mạch
☐ Công nghệ lượng tử
☐ Công nghệ sinh học, y sinh
☐ Vật liệu mới, năng lượng
☐ Công nghệ số, an ninh mạng
☐ Cơ khí, tự động hóa, robot
☐ Hàng không, vũ trụ
☐ Nông nghiệp công nghệ cao
☐ Môi trường, biến đổi khí hậu
☐ Khoa học cơ bản (toán, lý, hóa, sinh)
☐ Khoa học xã hội và nhân văn
☐ Kinh tế, quản trị, chính sách
☐ Khác (ghi rõ): .....

Câu 18. Các vị trí, hướng nghiên cứu cần nhân tài (tối đa 05 vị trí):

TT	Lĩnh vực, hướng nghiên cứu	Nhóm đối tượng cần thu hút	Hình thức làm việc (ghi số 1 - 5)	Số người	Năm dự kiến bắt đầu	Kết quả chính mong đợi
1						
2						
3						
4						
5						

Câu 19. Khả năng bố trí điều kiện làm việc cho các vị trí ở Câu 18: *(1 = không bố trí được; 5 = bố trí đầy đủ)*

Điều kiện	1	2	3	4	5
Không gian làm việc, phòng thí nghiệm					
Thiết bị nghiên cứu					

Điều kiện	1	2	3	4	5
Nghiên cứu sinh, trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên					
Hỗ trợ hành chính, pháp lý, thủ tục cho người nước ngoài					
Nhà ở, điều kiện gia đình					
Quyền tự chủ chuyên môn, quản lý kinh phí					
Nhiệm vụ giảng dạy phù hợp					

Câu 20. Nguồn lực đối ứng cơ sở có thể bảo đảm cho 01 vị trí trong 03 năm: *(tình trạng nguồn ghi số 1 - 4 theo thang ở đầu phiếu)*

Khoản mục	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tình trạng nguồn	Căn cứ
Thù lao, thu nhập cá nhân					
Kinh phí khởi lập, nghiên cứu ban đầu					
Nhân sự hỗ trợ (nghiên cứu sinh, trợ lý, kỹ thuật viên)					
Phòng thí nghiệm, thiết bị (quy đổi giá trị)					
Đi lại, hợp tác quốc tế					
Tổng cộng					

Câu 21. Số nghiên cứu sinh, trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên có thể bố trí ngay cho mỗi vị trí và nguồn kinh phí:

.....

.....

Câu 22. Nếu 12 - 24 tháng chưa trúng quỹ tài trợ, cơ sở duy trì được vị trí, nhóm nghiên cứu trong bao lâu?

☐ Không duy trì được ☐ Khoảng 12 tháng

☐ Khoảng 06 tháng ☐ Từ 24 tháng trở lên

Câu 23. Kết quả cơ sở có thể cam kết đối với mỗi vị trí:

Kết quả	Sau 12 tháng	Sau 36 tháng	Sau 60 tháng
Nghiên cứu sinh được hướng dẫn, bảo vệ			
Nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm được hình thành			
Công bố khoa học quốc tế			
Hồ sơ tài trợ được nộp, trúng			
Sáng chế, sản phẩm công nghệ, chuyển giao			
Chương trình đào tạo được xây dựng, cập nhật			
Năng lực được duy trì sau khi kết thúc tài trợ			

Câu 24. Cơ sở có thể tham gia giải quyết bài toán cụ thể nào của doanh nghiệp, địa phương (tối đa 03; ghi lĩnh vực, đơn vị sử dụng)?

.....

.....

.....

PHẦN V. Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ GÓI TÀI TRỢ CẠNH TRANH VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT

Câu 25. Loại gói tài trợ phù hợp nhất với cơ sở: *(chọn tối đa 02)*

☐ Gói thu hút giáo sư đầu ngành

☐ Gói lãnh đạo nhóm nghiên cứu mạnh

☐ Gói nhà khoa học trẻ xuất sắc

☐ Gói tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng cho nhiệm vụ chiến lược

☐ Gói vị trí liên kết cho nhà khoa học ở nước ngoài

☐ Khác: .....

Câu 26. Thời hạn gói tài trợ phù hợp:

☐ 03 năm

☐ 03 năm, gia hạn 02 năm theo kết quả đánh giá

☐ 05 năm

☐ Khác: .....

Câu 27. Mức kinh phí cần thiết cho 01 gói (triệu đồng/năm):

Cấu phần	Mức tối thiểu	Mức mục tiêu	Mức mở rộng
Thù lao, đãi ngộ cá nhân			
Kinh phí nghiên cứu (nhân sự, vật tư, dịch vụ)			
Chi phí khởi lập, thiết bị (một lần, quy đổi theo năm)			
Hợp tác quốc tế, đi lại			
Quản lý, chi phí gián tiếp			

Câu 28. Đề xuất trọng số tiêu chí xét chọn (tổng 100 điểm):

Tiêu chí	Điểm
Năng lực, thành tích của nhà khoa học	
Chất lượng nhiệm vụ, đề xuất nghiên cứu	
Cam kết, điều kiện của cơ sở tiếp nhận	
Nguồn đối ứng, đồng tài trợ	
Tác động dự kiến (đào tạo, công nghệ, kinh tế - xã hội)	
Tổng	**100**

Câu 29. Phương thức quản lý gói tài trợ phù hợp: *(chọn nhiều)*

☐ Cấp qua cơ sở tiếp nhận

☐ Cấp qua quỹ tài trợ hiện có

☐ Cấp trực tiếp cho nhà khoa học

☐ Bình duyệt độc lập có chuyên gia quốc tế

☐ Đánh giá giữa kỳ, giải ngân theo mốc kết quả

☐ Cho phép điều chỉnh nội dung, dừng tài trợ theo kết quả đánh giá

☐ Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khi thực hiện đúng quy trình

Câu 30. Đề xuất về cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và quỹ (cơ quan điều phối, trách nhiệm từng bên, chống tài trợ trùng lặp):

.....

.....

.....

PHẦN VI. RÀO CẢN VÀ KIẾN NGHỊ

Câu 31. Ba rào cản thực tế lớn nhất trong thu hút, sử dụng nhân tài và tiếp cận tài trợ:

Nhóm nguyên nhân:

1. Quy định pháp luật;
2. Quy chế, quy trình của đơn vị;
3. Nguồn lực (kinh phí, nhân lực, hạ tầng);
4. Mức hấp dẫn, niềm tin;
5. Phối hợp giữa các bên;
6. Môi trường làm việc;
7. Chưa xác định được.

Cấp xử lý phù hợp:

1. Đơn vị tự xử lý;
2. Quỹ, chương trình tài trợ;
3. Hướng dẫn của bộ, ngành;
4. Thông tư;
5. Nghị định;
6. Luật;
7. Bổ sung nguồn lực.

TT	Rào cản (mô tả ngắn, kèm 01 tình huống cụ thể)	Khâu phát sinh	Nhóm nguyên nhân (ghi số)	Văn bản, điều khoản liên quan (nếu biết)	Cấp xử lý (ghi số)
1					
2					
3					

Câu 32. Ba nội dung quan trọng nhất cần quy định tại Nghị định:

.....

.....

.....

Câu 33. Ý kiến về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và việc phân định với các nghị định hiện hành về chuyên gia, nhân tài khoa học, công nghệ và Nghị định về cơ chế, chính sách đặc thù đối với cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, đại học định hướng tinh hoa:

.....

.....

.....

Câu 34. Cơ sở có thể cung cấp 01 hồ sơ bổ nhiệm, hợp đồng hoặc dự án để đối chiếu không?

☐ Có ☐ Có điều kiện ☐ Không

THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU VÀ PHỎNG VẤN BỔ SUNG

Câu 35. Quý vị có đồng ý tham gia phỏng vấn sâu, làm việc trực tiếp hoặc cung cấp hồ sơ một trường hợp cụ thể để đối chiếu không?

☐ Có ☐ Có, nếu được bảo mật danh tính ☐ Không

Người điền phiếu (đầu mối được thủ trưởng đơn vị giao):

Họ và tên .....

Chức vụ, đơn vị .....

Điện thoại, email công vụ .....

Xin trân trọng cảm ơn!